

Bản án số: 632/2026/HSST

Ngày: 06/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quang Chính

Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Quang - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 301/2026/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 561/2026/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 3033/2026/QĐHPT-HS ngày 29/4/2026 đối với các bị cáo:

1/ Huỳnh Văn B; Sinh năm 2000; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và cư trú: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Giới tính: Nam; Con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 29/8/2019, bị Toà án nhân dân Quận 9 (nay là Toà án nhân dân Khu vực 2), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” quy định khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Chưa được xóa án tích; Bị bắt, giam từ ngày 20/7/2025 (Có mặt).

2/ Nguyễn Quốc K; Sinh ngày: 13/4/2008; Nơi sinh: tỉnh Hà Tĩnh; Nơi thường trú và cư trú: Tổ D, ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Minh Đ, Sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Bé T1, sinh năm 1985; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt, giam giữ từ ngày 20/7/2025 (Có mặt)

3/ Lê Trọng N; Sinh năm 1981; Nơi sinh: tỉnh Đồng Nai; Nơi thường trú và cư trú: Tổ A, ấp T, xã A, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Sửa chữa điện thoại; Trình độ học vấn: 08/12; Giới tính: Nam; Con ông Lê Thạch Q, sinh năm 1957 và bà Trần Thị

Ú, sinh năm 1962; Vợ: Mai Thị T2, sinh năm 1979, có 02 con, lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2009; Tiền sự, tiền án: Không; Bị bắt, giam giữ từ ngày 20/7/2025 (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc K

Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1984 – Luật sư của Trung tâm trợ lý pháp lý Thành phố H (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo K: Ông Nguyễn Minh Đ và bà Nguyễn Thị Bé T1 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ D, ấp E, xã T, tỉnh Đồng Nai

Bị hại:

1/ Chị Đặng Thị Ngọc T4, sinh ngày 11/07/2009; Đại diện hợp pháp: Ông Đặng Văn T5 (Có đơn xin xét xử vắng mặt và xin từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại)

Địa chỉ: Ấp T, phường H, thành phố C.

2/ Chị Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 12/7/2008; Đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Kim H1 (Có đơn xin xét xử vắng mặt và xin từ chối người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại)

Địa chỉ: Ấp T, phường H, thành phố C.

3/ Anh Hoàng Quốc T6, sinh năm 2004 (Vắng mặt)

Địa chỉ: G V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Chị Bùi Mai A, sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: C C tổ G, khu phố F, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Đào Hồng M, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 1 ấp T, phường H, tỉnh Đồng Nai

2/ Ông Nguyễn Công T7 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C đường A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn B là người có tiền án về tội cướp tài sản (tội rất nghiêm trọng) chưa được xóa án tích quen biết với Nguyễn Quốc K. K quen biết với Lê Trọng Nghĩa L chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại cũ. Do không có tiền tiêu xài nên B rủ K sử dụng dao để cướp tài sản người khác chia nhau tiêu xài thì B đồng ý.

Ngày 11/7/2025, B gọi điện rủ K đi nhậu rồi tìm người khác để cướp tài sản thì K đồng ý. Khi đi, B nói với K “*em nhớ lấy con dao theo*”. Sau đó B điều khiển xe máy hiệu Suzuki, loại Satria biển số: 71C3-554.54 đến nhà K chở đi (Xe mô tô trên B mượn của ông Đào Hồng M để đi lại, ông M không biết B sử dụng làm phương tiện phạm tội) ăn tại quán gần nhà K ở xã T, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi ăn xong, B nói với K “*đi cướp với anh không*”, K hỏi “*Cướp ở đâu*” B nói “*Cứ đi trên đường thấy ai có túi xách, điện thoại thì cướp*” thì K đồng ý.

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/7/2025, khi đi đến đoạn đường trước Cổng trường Đại học N1 thuộc Làng Đ, khu phố T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai thấy em Đặng Thị Ngọc T4 (sinh năm 2009) chở em Nguyễn Ngọc Á (sinh năm 2008) bằng xe máy hiệu SYM Elegant biển số: 69AA - 087.28 (loại giống xe Cub 50cm3) đi cùng chiều phía trước, em Á đang bấm điện thoại di động, giữa 02 người có để 01 cái ba lô và trên бага giữa xe có treo 01 cái túi xách nên B điều khiển xe đi theo sau chờ cơ hội. Khi đi đến đoạn đường M thuộc phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thấy vắng vẻ thì B điều khiển xe chạy vượt lên bên trái ép xe T4 và Á chạy chậm lại, K ngồi sau cầm dao chỉ thẳng về T4 và Á quát to “*dừng xe lại*”, T4 sợ hãi tăng ga chạy, Á bỏ điện thoại vào ba lô. B nói K đưa con dao cho B rồi B cầm dao bằng tay trái rồi tăng ga đuổi theo ép sát xe T4 và Á vào lề đường, B quát lớn đe dọa “*tấp xe vô lề*”, Á ngồi sau sợ quá ném ba lô xuống bụi cỏ sát lề đường, sau đó T4 dừng xe lại. B chặn đầu xe nói K xuống nhặt ba lô rồi B cầm dao đi lại hỏi T4 “*điện thoại mày đâu, có gì đưa hết đây*” rồi B tự lực soát, tìm kiếm tài sản trên người T4 nhưng không có gì. B lấy túi xách trên бага giữa xe, còn K đi xuống nhặt cái ba lô tại bụi cỏ thì Á thấy vậy đến giằng co cái ba lô với K và kêu “*Cướp, cướp*” nên bị K dùng tay đánh 02 cái nên Á sợ đề K lấy ba lô đi. Sau đó, B điều khiển xe chở K nhanh chóng tẩu thoát. Trên đường đi, B kiểm tra túi xách chiếm đoạt của T4 không có tài sản đồ vật gì giá trị nên B đã ném bỏ ven đường không nhớ rõ vị trí, còn ba lô vải màu trắng hình mèo H2 và cái ví cầm tay nữ bên trong ba lô của Á, B kiểm tra và lấy được 01 điện thoại Iphone 12 màu xanh ngọc, 01 điện thoại Iphone 13 màu trắng, 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 1.600.000 đồng tiền rồi đốt bỏ ba lô và ví để phi tang ở gần nhà. Sau đó, B chia cho K 500.000 đồng, còn 1.100.000 đồng B dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, B đến tiệm V” tại số C Đường A, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Công T7 là chủ kinh doanh bán sợi dây chuyền vàng chiếm đoạt của Á rồi mua lại 01 sợi dây chuyền bằng vàng khác có trọng lượng nhỏ hơn để lấy tiền chênh lệch là 3.000.000 đồng tiêu xài riêng.

Khoảng 23 giờ ngày 12/7/2025, K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Satria màu đỏ đen, biển số 71C3-554.54 chở B đi từ địa phận tỉnh Đồng Nai lên Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi trên đường L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, cả hai phát hiện 01 người phụ nữ (chưa rõ nhân thân) có đeo 01 túi xách đang điều khiển xe mô tô Wave (không rõ biển số) lưu thông trên đường L hướng về đường N B nói với K áp sát người phụ nữ này, khi K áp sát phía bên trái người phụ nữ thì B ngồi sau nhanh chóng dùng tay giật mạnh túi xách rồi cầm trên tay và K tăng ga chở B tẩu thoát theo hướng về đường N Trên đường đi, B kiểm tra túi xách phát hiện không có tài sản có giá trị nên và tiếp tục chỉ đường cho K điều khiển xe mô tô đi qua bên khu vực Làng Đ Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 13/7/2025, K chở B đi ngang qua hồ sen thuộc khu vực Làng đại học thì B rút bỏ túi xách vừa giật được. Khi đang lưu thông trên các con đường thuộc Làng đại học thì phát hiện có ông Hoàng Quốc T6 chở bà Bùi Mai A đang lưu thông ngược chiều hướng về đường V, khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, B nói với K *“hình như có cái gì”* nên K quay xe đuổi theo, K đưa cho B 01 con dao. Khi đến đoạn đường V, B và K phát hiện ông T6 và bà A đang cầm Ipad Pro ngồi trên ghế gỗ tại vỉa hè đường nên K điều khiển xe mô tô chạy chậm qua vị trí của ông T6 và bà A để B nhảy xuống xe rồi K quay xe nổ máy đứng đợi cảnh giới. Lúc này B tay trái cầm con dao đến nơi ông T6 và bà A ngồi chĩa dao hướng về ông T6 và bà A đe dọa *“đưa cái Ipad đây, còn cái điện thoại nữa, không đưa là tao đâm”*. Do hoảng sợ nên bà A đưa I cho B cầm trên tay phải và dùng tay trái lấy điện thoại Iphone 14 Promax của ông T6 đang cầm trên tay rồi nhanh chóng nhảy lên xe K tẩu thoát về nhà B.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 13/7/2025, B gọi điện thoại cho Lê Trọng Nghĩa L chủ cửa hàng “N” tại tổ A, ấp T, xã A, Đồng Nai bán điện thoại Iphone nhưng N thống nhất đem về kiểm tra nếu không bẻ khóa được thì sẽ thu mua xác. Mặc dù biết các tài sản này do B chiếm đoạt của người khác mà có nhưng vì ham rẻ N vẫn đồng ý mua, do sợ các điện thoại trên có định vị sẽ bị phát hiện nên N hẹn giao dịch với B tại Công viên S (đổi diện Công ty S1 thuộc khu công nghiệp B, xã A, Đồng Nai). Sau đó, B bỏ 01 Iphone 14 Promax, 01 Ipad Pro và các tài sản do B và K chiếm đoạt tại phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh gồm (01 điện thoại Iphone 13, 01 điện thoại Iphone 12) cất vào ba lô rồi mang đến điểm hẹn. Khi đến điểm hẹn, B đưa 03 điện thoại Iphone và 01 Ipad cho N cất vào trong cốp xe sau đó cả hai đi về. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, B tiếp tục mang thêm 01 sợi dây chuyền vàng đến cửa hàng của N để cầm cố nhưng N yêu cầu B để sợi dây chuyền lại để kiểm tra thật giả rồi báo giá cầm cố và N đồng ý. Tại đây, N thông báo cho B biết I và Iphone 14 Promax không bẻ khóa được nên thu mua xác với giá Ipad 4.000.000 đồng, Iphone 14 Promax 3.000.000 đồng; còn 02 điện thoại còn lại khi nào có kết quả sẽ thông báo và đưa tiền cho B. N đưa cho B 7.000.000 đồng tiền mặt rồi B đi về nhưng không chia thêm cho K.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra đưa được Huỳnh Văn B, Nguyễn Quốc K và Lê Trọng N về làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Quốc K, Huỳnh Văn B và Lê Trọng N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Kết quả xét nghiệm chất ma túy: K, B và N âm tính với các chất ma túy.

Kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 09/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, kết luận:

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Pro màu xám có giá trị 16.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Promax, màu tím có giá trị 14.500.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 07/BL-HĐĐGTS ngày 11/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận:

- 01 điện thoại Iphone 13 dung lượng 128GB, màu trắng, đã qua sử dụng có giá trị 7.000.000 đồng.

- 01 điện thoại Iphone 12 dung lượng 128GB, màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 6.000.000 đồng.

- 01 dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2.065 chỉ, đã qua sử dụng có giá trị 13.439.100 đồng.

Thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Pro màu xám là tài sản của Bùi Mai A.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Promax, màu tím là tài sản của ông Hoàng Quốc T6.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Satria, biển số 71C3-554.54 là tài sản của ông Đào Hồng M.

- 01 điện thoại Iphone 13 dung lượng 128GB, màu trắng, đã qua sử dụng là tài sản của chị Đặng Thị Ngọc T4.

- 01 điện thoại Iphone 12 dung lượng 128GB, màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Ngọc Á.

- 01 dây chuyền vàng 610, trọng lượng 2.065 chỉ, đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Ngọc Á.

- 01 đôi dép tổ ong màu xanh lá cây, 01 quần tây màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám đen, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 con dao cán nhựa dài 18 cm.

- 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Iphone 12 Promax màu trắng và 01 điện thoại di động kiểu dáng Rorme là tài sản của B và K.

Trách nhiệm dân sự:

- Ông Nguyễn Hoàng T8, bà Bùi Mai A đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường.

- Chị Đặng Thị Ngọc T4 yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn B và Nguyễn Quốc K liên đới bồi thường số tiền 8.500.000 đồng cho chị T4.

- Chị Nguyễn Ngọc Á yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn B và Nguyễn Quốc K liên đới bồi thường 6.000.000 đồng cho chị Á.

- Bị cáo Lê Trọng N không yêu cầu bị cáo B và Khánh hoàn lại số tiền 7.000.000 đồng đã bỏ ra để mua điện thoại.

Bản cáo trạng số 591/CT-VKSKV2 ngày 06/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố Huỳnh Văn B về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Quốc K về tội “Cướp tài sản” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; truy tố Lê Trọng N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự xử phạt Huỳnh Văn B mức án tù 11 (Mười một) đến 12 (Mười hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”; áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 Bộ luật hình sự và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên xử phạt Nguyễn Quốc K mức án tù 05 (Năm) năm đến 06 (S) năm tù về tội “Cướp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Trọng N mức án tù 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Về trách nhiệm dân dân sự và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo K trình bày: Thống nhất về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo K được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng.

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng; Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa; Các bị cáo nói lời sau cùng biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để kết luận: Huỳnh Văn B có tiền án về tội rất nghiêm trọng chưa được xóa án tích nhưng vào ngày 12/7/2025 trên đoạn đường M, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, K và B đã dùng dao (là vũ khí nguy hiểm) đe dọa để cướp 01 điện thoại Iphone 13, trị giá 7.000.000 đồng và số tiền 1.500.000 đồng của chị Đặng Thị Ngọc T4 và cướp 01 điện thoại Iphone 12, trị giá 6.000.000 đồng, 01 dây chuyền vàng, trị giá 13.439.100 đồng và số tiền 100.000 đồng của chị Nguyễn Ngọc Á. Với thủ đoạn tương tự ngày 13/7/2025, trên đoạn đường V, khu phố C, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh, B và K đã cướp của ông Hoàng Quốc T6 01 Iphone 14 Promax, trị giá 14.500.000 đồng và cướp của bà Bùi Mai A 01 I, trị giá 16.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo B và K chiếm đoạt là 58.539.100 đồng. Sau khi cướp được tài sản, ngày 13/7/2025, B đem bán cho Lê Trọng N được số tiền 7.000.000 đồng. Khi mua N biết rõ tài sản do B phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý để hưởng lợi bất chính. Do đó, hành vi của bị cáo

Huỳnh Văn B đã phạm vào tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự, bị cáo Nguyễn Quốc K đã phạm vào tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Trọng N đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét đây là vụ án có tính đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, bị cáo B giữ vai trò là người khởi xướng rủ rê K thực hiện hành vi phạm tội. Cả hai bị cáo B và K là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội do đó cần phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo B, K, N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là lao động chính trong gia đình nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Huỳnh Văn B rủ rê bị cáo K thực hiện hành vi phạm tội khi bị cáo K chưa đủ 18 tuổi nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Xét bị cáo Nguyễn Quốc K khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên áp dụng Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 01 máy tính bảng nhãn hiệu Apple, loại Ipad Pro màu xám. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi trả lại cho bà Bùi Mai A là có căn cứ.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, loại Iphone 14 Promax, màu tím Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi trả lại cho ông Hoàng Quốc T6 là có căn cứ.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Satria, biển số 71C3-554.54 là tài sản của ông Đào Hồng M. Ông M không biết B sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho ông M là có căn cứ.

- 01 điện thoại Iphone 13 dung lượng 128GB, màu trắng, đã qua sử dụng là tài sản của chị Đặng Thị Ngọc T4 không thu hồi được.

- 01 điện thoại Iphone 12 dung lượng 128GB, màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản của chị Nguyễn Ngọc Á không thu hồi được.

- Số tiền 1.600.000 đồng không thu hồi được.
- 01 dây chuyền vàng Cơ quan điều tra thu hồi trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Á là có căn cứ (bị hại Á không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền chênh lệch 3.000.000 đồng).
- Đối với 01 đôi dép tổ ong màu xanh lá cây, 01 quần tây màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám đen, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 con dao cán nhựa dài 18 cm. Xét cần tịch thu tiêu hủy.
- 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Iphone 12 Promax màu trắng và 01 điện thoại di động kiểu dáng Rorme (thu giữ của B và K). Xét các bị cáo sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại:

- Ông Nguyễn Hoàng T8, bà Bùi Mai A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Chị Đặng Thị Ngọc T4 yêu cầu bị cáo B và K liên đới bồi số tiền 8.500.000 đồng (cụ thể số tiền mặt là 1.500.000 đồng và 01 điện thoại, trị giá theo kết luận định giá là 7.000.000 đồng). Tại phiên tòa bị cáo B và K đồng ý bồi thường số tiền 8.500.000 đồng cho chị Đặng Thị Ngọc T4 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.
- Chị Nguyễn Ngọc Á chỉ yêu cầu bị cáo B và K liên đới bồi thường chiếc điện thoại theo kết luận định giá là 6.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo B và K đồng ý bồi thường số tiền 6.000.000 đồng cho chị Á nên Hội đồng xét xử ghi nhận.
- Bị cáo Lê Trọng N không yêu cầu bị cáo B và Khánh hoàn lại số tiền 7.000.000 đồng đã bỏ ra để mua điện thoại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về các vấn đề khác:

- Đối với vụ cướp giật tài sản đường L, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh do chưa xác định được bị hại nên giao Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.
- Đối với ông Nguyễn Công T7, chủ tiệm V1 khi mua bán trao đổi sợi dây chuyền cho B mang đến không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý hình sự về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ.

[12] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 362.500 đồng án phí dân sự theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, đ, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 12 (Mười hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2025.

2. Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025 và Điều 119 Luật tư pháp người chưa thành niên.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K 06 (S) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2025.

3. Căn cứ điểm khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng N 09 (Chín) tháng 16 (Mười sáu) ngày tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2025, thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam.

4. Căn cứ vào Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lê Trọng N đang bị tạm giam, nếu bị cáo N không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép tổ ong màu xanh lá cây, 01 quần tây màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám trắng, 01 áo khoác dài tay có mũ màu xám đen, 01 quần jean màu đen, 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 con dao cán nhựa dài 18 cm.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động kiểu dáng hiệu Iphone 12 Promax màu trắng và 01 điện thoại di động kiểu dáng Rorme.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 497/BB2/26 ngày 06/5/2026 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh)

6. Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn B và Nguyễn Quốc K liên đới bồi thường cho chị Đặng Thị Ngọc T4 số tiền 8.500.000 (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn) và chị Nguyễn Ngọc Á số tiền 6.000.000 (Sáu triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

7. Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 362.500 (Ba trăm, sáu hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Trại giam và bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hương